

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/KDTM-ST
Ngày: 18 - 7 -2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Hội thẩm nhân dân:

1/Bà Lê Thị Khanh.

2/Ông Dương Văn Quý.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Hoàng Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

Bà Phùng Thị Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2023/TLST - KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 162/2024/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH S;

Địa chỉ: Lô I Khu công nghiệp V, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông SEO KANG S1 - Chức vụ : Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1988 ; Địa chỉ: Công ty TNHH S- Lô I Khu công nghiệp V, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương (Theo Giấy ủy quyền số UQ:220123-GUQ/Sil ngày 22/01/2023 của Công ty TNHH S).

Bị đơn: Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu K;

Địa chỉ: C ấp B, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KIM DONG C – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2023 và tại bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Ngày 01/8/2022, Công ty TNHH S (gọi tắt là công ty A) và Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu K (gọi tắt là công ty K) có ký với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 174/HĐNT/SIL-KDC/2022-2023. Theo đó, công ty A cung cấp cho công ty K hàng hóa là chỉ may theo quy cách số lượng màu sắc, chất lượng theo mẫu chủng loại và giá cả hàng hóa như trong hợp đồng, thời gian thanh toán là 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn vào tài khoản công ty A. Ngày 31/3/2023, công ty A có lập Biên bản đối chiếu công nợ với công ty K về công nợ phát sinh từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/3/2023 và đã được hai bên ký xác nhận đầy đủ với số nợ còn lại là 76.830.572 đồng. Tuy nhiên, sau nhiều lần nhắc nhở và trao đổi với công ty K về số công nợ còn tồn tại theo Hợp đồng kèm hóa đơn chứng từ và bản đối chiếu công nợ giữa hai bên, nhưng công ty K vẫn chưa thanh toán. Nay đề nghị công ty K hoàn trả ngay một lần số tiền hàng còn nợ trên.

Bị đơn công ty K vắng mặt, không đến Tòa cung cấp bản khai cũng như không xuất trình các tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử nên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét quy định tại điểm b khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xuất trình được hợp đồng thỏa thuận về việc công ty A cung cấp cho công ty K mặt hàng chỉ may (quy cách, số lượng, màu sắc, chất lượng theo mẫu, chủng loại và giá cả theo thỏa thuận của 02 bên) và 04 hóa đơn giá trị gia tăng, bản đối chiếu công nợ hai bên ký kết. Theo đó, công ty K còn nợ tiền hàng chưa thanh toán với tổng số tiền là 76.830.572 đồng, nhưng cho đến nay vẫn không thanh toán cho công ty A. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp hàng hóa số 174/HĐNT/SIL-KDC/2022-2023 ký giữa công ty A và công ty K, do bị đơn không thanh toán tiền hàng theo hợp đồng nêu trên nên có cơ sở xác định đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hợp tác trong hoạt động kinh doanh được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn yêu cầu ngày 22/6/2023 của nguyên đơn cũng như hoạt động giao nhận hàng của các bên được thực hiện tại địa chỉ C ấp B, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/7/2017 của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông SEO KANG S1 là đại diện theo pháp luật của công ty A.

[3.2] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký lần đầu ngày 05/6/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/02/2023 của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông KIM DONG C là đại diện theo pháp luật của công ty K.

[3.3] Xét bị đơn công ty K đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Xét hình thức và nội dung Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 174/HĐNT/SIL-KDC/2022-2023 ngày 01/8/2022, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Như phân tích tại phần [3.1] và [3.2] thì hợp đồng được giao kết đúng thẩm quyền và nội dung, hình thức phù hợp với quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[5] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền hàng còn thiếu là 76.830.572 đồng, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[5.1] Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng nguyên đơn nộp thể hiện việc thanh toán tiền hàng theo Hợp đồng cung cấp hàng hóa số Hợp đồng

cung cấp hàng hóa số 174/HĐNT/SIL-KDC/2022-2023 ngày 01/8/2022 mà các bên tham gia giao kết.

[5.2] Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng và Biên bản đối chiếu công nợ giữa công ty A và công ty K có cơ sở xác định bị đơn còn nợ số tiền mua hàng là 76.830.572 đồng.

[5.3] Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn phản đối yêu cầu của người khác thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó. Tại khoản 4 Điều 96 Bộ luật tố tụng Dân sự quy định thời hạn giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh” nên căn cứ các biên bản niêm yết cho bị đơn thể hiện bị đơn đã biết được nội dung khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng do bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến phản bác và giao nộp tài liệu chứng cứ khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn xuất trình để giải quyết vụ án. Như phân tích nêu trên thì có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty A.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 34 Luật Thương Mại năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Công ty TNHH S thanh toán cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu K số tiền hàng còn thiếu là 76.830.572 đồng (Bảy mươi sáu triệu tám trăm ba mươi ngàn năm trăm bảy mươi hai đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc cung cấp hàng hóa số 174/HĐNT/SIL-KDC/2022-2023 ngày 01/8/2022.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.841.529 (Ba triệu tám trăm bốn mươi một ngàn năm trăm hai mươi chín) đồng Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu K phải chịu.

Hoàn lại cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000(Ba triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0004351 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, đối với nguyên đơn tính từ ngày tuyên án, đối với bị đơn tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSNDTP.HCM;
- VSKND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật